

Bản án số: 206/2019/DS-PT
Ngày: 19-11-2019
Về việc “Tranh chấp hợp đồng
mua bán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán:

1. Bà Ngô Ngọc Phi
2. Bà Nguyễn Thị Minh phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 193/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2019/DS-ST, ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 188/2019/QĐPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Lâm Phong Ph, sinh năm: 1984; địa chỉ cư trú: Tổ 01, khóm AH, thị trấn BC, huyện TT, An Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho ông Ph là ông Lâm Văn S, sinh năm: 1941; cùng địa chỉ cư trú (Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2019 của UBND thị trấn BC, huyện TT). (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1967; (có mặt)

2.2. Bà Lâm Thị B, sinh năm: 1966; (có mặt)

2.3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1997. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp VT, xã VP, huyện TT, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai các biên bản hòa giải nguyên đơn ông Lâm Phong Ph do ông Lâm Văn S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị B cùng con là anh Nguyễn Văn T có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông Lâm Phong Ph mua thiếu từ ngày 12/4/2013 đến tháng 12/2013 còn nợ ông Ph tổng cộng 231.170.000 đồng không trả, mặc dù ông Ph đòi nhiều lần, lần sau cùng là tháng 4/2019 ông H, bà B hẹn cũng không thực hiện. Nay ông Ph yêu cầu ông H, bà B và con là Tuấn phải có trách nhiệm liên đới thanh toán ngay số tiền trên cùng với lãi chậm trả theo quy định của pháp luật, kể từ tháng 01/2014 đến khi xét xử.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị B cùng trình bày:

Ông bà thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp gồm: Phân, thuốc trừ sâu của ông Ph, thời gian bắt đầu mua là trước năm 2013 khoảng 2, 3 năm, kết thúc mua đúng là tháng 12/2013. Khi mua ông Ph có ghi sổ theo dõi, có đối chiếu nhưng số nợ còn lại khi kết sổ ngày 07/12/2013 là 230.695.000 đồng, chứ không phải 231.170.000 đồng. Do vỡ đê không thu hoạch được lúa, nên không thanh toán nợ cho ông Ph như thỏa thuận và vì vậy kéo dài đến nay. Sự việc vỡ đê do lỗi của chủ bơm nước Nghiêm Quan K, ông bà đã kiện ông K bồi thường, qua 02 cấp xét xử Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông bà, hiện ông bà khiếu nại đến Tòa án nhân dân tối cao, nên hẹn khi nào đòi được ông K bồi thường thiệt hại mới trả cho ông Ph và chỉ trả vốn, còn lãi suất xin giảm dứt. Riêng đối với Nguyễn Văn T là con sinh sống chung trong nhà, chỉ phụ giúp ông bà trong canh tác và nhận vật tư tại cửa hàng ông Ph thay cho ông bà, chứ không phải mua cho Tuấn, nên ông bà xin nhận trách nhiệm cá nhân trả số nợ cho ông Ph.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT quyết định:

Căn cứ vào các Điều 428, 438, 298, 305 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Phong Ph.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Phong Ph đối với anh Nguyễn Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lâm Phong Ph 346.619.000 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm mười chín nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo với nội dung được trả vốn gốc và xin không phải trả lãi phát sinh trong thời gian chậm trả. Sau đó ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung yêu cầu đưa ông Nghiêm Quan K vào tham gia tố tụng, buộc ông K bồi thường tổn thất thiệt hại do ông K gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không xuất trình được các chứng cứ nào mới, tại cấp phúc thẩm, không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-PT ngày ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án không có kháng cáo, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị B thừa nhận có mua phân bón, thuốc trừ sâu của cửa hàng ông Lâm Phong Ph để canh tác lúa, còn nợ ông Ph 230.695.000đồng. Nay, ông H, bà B đồng ý trả cho ông Ph số tiền 230.695.000đồng nhưng xin ông Ph không tính lãi. Phía ông Ph yêu cầu ông H, bà B liên đới trả 230.695.000đồng và tính lãi từ tháng 01/2014.

[4] Căn cứ các chứng cứ thu thập Tòa cấp sơ thẩm đã nhận định: Ông Lâm Phong Ph với ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị B đều thừa nhận có xác lập hợp đồng mua bán phân bón thuốc trừ sâu và đến ngày 07/12/2013 ông H, bà B còn nợ lại ông Lâm Phong Ph số tiền 230.695.000đồng ông Ph có đến nhà đòi ông H, bà B nhiều lần nhưng ông H, bà B không trả. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị B có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lâm Phong Ph số tiền 230.695.000đồng và lãi 115.924.000đồng, tổng cộng 346.619.000đồng.

Theo đơn khởi kiện ông Lâm Phong Ph yêu cầu ông Nguyễn Văn T liên đới cùng với ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị B trả số tiền 230.695.000 đồng, trong quá trình hòa giải ông Ph đã rút lại yêu cầu đối với ông Nguyễn Văn T nên cấp sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Nguyễn Văn H đề nghị hoãn phiên tòa để đưa ông Nghiêm Quan K vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì ông cho rằng ông K có ký hợp đồng bơm rút nước với ông nhưng để vỡ đê làm thiệt hại cho ông nên ông không thu hoạch được từ đó ông mới thiếu tiền vật tư của ông Ph; Hội đồng xét xử nhận thấy hợp đồng mua bán vật tư phân bón, thuốc trừ sâu giữa ông Lâm Phong Ph với ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị B không liên quan đến ông K, việc ông H ký kết hợp đồng với ông K bơm rút nước là quan hệ tranh chấp khác nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết đưa ông K vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Mặt khác, ông H đã khởi kiện ông K về bồi thường thiệt hại đã được Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm bằng Bản án số 80/2014/DS-ST ngày 30/9/2014, ông H kháng cáo Bản án sơ thẩm và được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm bằng Bản án số 91/2015/DS-PT ngày 26/3/2015, đã quyết định không chấp nhận yêu cầu của ông H khởi kiện đòi ông K bồi thường thiệt hại cho ông và Bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông H giữ nguyên bản án sơ thẩm như theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia tại phiên tòa.

[6] Các phần còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét;

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông H không được chấp nhận, nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308; Điều 144, 147, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 428, 438, 298, 305 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Phong Ph.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Phong Ph đối với anh Nguyễn Văn T.

3. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lâm Phong Ph số tiền 346.619.000 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm mười chín nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị B phải cùng chịu 17.330.500 đồng (Mười bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lâm Phong Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 5.780.000 đồng (Năm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0012070 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT.

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0012125 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND – An Giang;
- TAND – huyện TT;
- THA – huyện TT;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Lễ